

Tạp chí Giáo dục

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC * BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
JOURNAL OF EDUCATIONAL SCIENCE - MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING



- ❁ Chính sách đối với nhà giáo dạy nghề - những đổi mới trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dạy nghề
- ❁ Con đường phát triển hứng thú học tập cho học sinh qua dạy học

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

JOURNAL OF EDUCATION

ISSN 2354-0753

Năm thứ mười bốn

Ra ngày 5 và 20 hàng tháng

346

(Kì 2 - 11/2014)

Phó Tổng biên tập phụ trách:

NGUYỄN HUY HUÂN

Phó Tổng biên tập:

TS. LÊ THANH OAI

Hội đồng biên tập:

GS.TS. ĐINH QUANG BẢO

GS.TS. PHẠM TẮT DONG

PGS.TS. ĐỖ TIẾN ĐẠT

GS.TSKH. HOÀNG NGỌC HÀ

GS.VS. PHẠM MINH HẠC

GS.TS. NGUYỄN THANH HÙNG

PGS.TS. ĐÀO THÁI LAI

PGS.TS. NGUYỄN VĂN LÊ

GS.TSKH. BÀNH TIẾN LONG

GS.TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

GS.TSKH. TRẦN VĂN NHUNG

PGS.TS. NGUYỄN QUANG NINH

PGS.TS. PHẠM HỒNG QUANG

PGS.TS. TÔ BÁ TRƯỞNG

GS.TSKH. THÁI DUY TUYẾN

Trụ sở:

4 Trịnh Hoài Đức - Hà Nội

Fax: (04) 37345363

Email: tapchigiaoduc@moet.edu.vn

Ban Biên tập: (04) 37343571

Email: bbtgiaoduc@yahoo.com.vn

Ban Thư kí: (04) 37345663

Email: btktgiaoduc26@yahoo.com.vn

Ban Trị sự: (04) 37345363

Email: Btsgiaoduc@yahoo.com.vn

Tài khoản:

102010000026240 Ngân hàng thương mại

cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh

TP. Hà Nội; 1400201033693 Ngân hàng

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Việt Nam chi nhánh Láng Hạ - Hà Nội.

Trình bày:

HOÀNG MAI - HUY HÙNG

Giấy phép xuất bản:

100/GP-VHTT, ngày 28/3/2001

In tại:

Cty Cổ phần In Công Đoàn Việt Nam -

167 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Ảnh bìa 1: SV Trường Đại học Vinh trong

Lễ kỉ niệm 55 năm thành lập trường

(1959 - 2014)

Giá: 21.000đ

Mục lục - Contents

QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Vũ Xuân Hùng: Chính sách đối với nhà giáo dạy nghề - những đổi mới trong Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dạy nghề - Policy for vocational teachers - new points in the draft Law on Amendment and Supplementation of the Law on Vocational Training. **1**

Thái Văn Thành - Phan Hùng Thư - Vũ Văn Hưng: Phát triển đội ngũ trưởng bộ môn trường đại học - yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hiện nay - Developing universities' heads of sections - an urgent requirement in the current context. **4**

Vũ Thị Loan: Chính sách nhập khẩu dịch vụ giáo dục đại học của Việt Nam thông qua các phương thức cam kết GATS - Viet Nam's policy of higher education import through GATS commitment methods. **7**

Nguyễn Xuân Thủy: Quan điểm và phương thức quản lý đổi mới phương pháp dạy học tại các trường dạy nghề trong giai đoạn hiện nay - Viewpoint and methods of managing teaching methods at vocational schools in the current period. **10**

Nguyễn Văn Tuấn - Trần Thị Thơm: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội - một hướng nghiên cứu tìm tòi nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục Thủ đô - Training high-quality human resource at Hanoi Junior College of Educational - a research approach aimed at meeting the demand of education in the capital. **12**

Lê Trọng Tuấn: Thực trạng quản lý hoạt động tự học ở Trường dự bị đại học dân tộc trung ương - A study on the reality of management of self-study at Central Ethnic Pre-college School. **15**

Nguyễn Văn Toàn: Một số vấn đề về đổi mới công tác lập kế hoạch bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông ở nước ta hiện nay - Some issues concerning the work of planning fostering of upper secondary teachers in our country nowadays. **18**

LÍ LUẬN GIÁO DỤC - DẠY HỌC

Vương Huy Thọ: Con đường phát triển hứng thú học tập cho học sinh qua dạy học - The road of developing studying interest for students through teaching. **21**

Nguyễn Thị Cẩm Mai: Khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp tại các trường trung học phổ thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Surveying the current status of extra-curricular educational activities in upper secondary schools in Ba Ria - Vung Tau province. **24**

Hoàng Mai Diễm: Bồi dưỡng năng lực giao tiếp khẩu ngữ trong dạy học Ngữ văn - The importance of spoken communicative skills training in philology teaching. **28**

Quách Đình Lợi: Dạy học tác phẩm Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài theo hướng tích hợp giáo dục ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc - Teaching the work

of A Phu couple by Tô Hoài by the direction of integration education of awareness of national culture conservation. **30**

Trần Văn Chung: Tiếp nhận tác phẩm nghị luận trong nhà trường phổ thông từ phương diện sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt - Perceiving discourse works in primary and secondary schools from the perspective of combining use of expressing modes. **33**

Thái Thị Hồng Lam: Bồi dưỡng một số thành tố của năng lực tư duy thuận nghịch cho học sinh trong dạy học định lý toán học ở trung học phổ thông - Fostering some elements of reversible thinking for students in teaching mathematic theorems at upper secondary schools. **36**

Nguyễn Ngọc Anh - Vũ Thị Hoạch: Tổ chức các hoạt động dạy học khái niệm toán học nhằm phát triển ngôn ngữ cho học sinh tiểu học - Organizing activities for teaching mathematical concepts in order to develop language of primary students. **40**

Phan Thị Thanh Hội - Trần Trọng Thức: Thiết kế câu hỏi, bài tập để đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học trong dạy học Sinh học 11 trung học phổ thông - Designing questions and exercises for assessing capability of scientific research in teaching upper secondary 11th grade Biology. **43**

Phan Lê Na: Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy học học phần Tin học cơ sở ở Trường Đại học Vinh - Some solutions for improving quality of teaching the module of Basic Informatics at Vinh University. **46**

Nguyễn Ngọc Trang: Xây dựng tài liệu học tập trong môi trường E-learning theo mô hình ADDIE nhằm hỗ trợ sinh viên tự học trong dạy học dựa vào dự án phân tích thiết kế hệ thống thông tin - Making learning materials in E-learning environment based on the ADDIE model in order to assist students to study by themselves in teaching based on the project for analyzing and designing information system. **49**

Nguyễn Văn Y: Phương pháp dạy học đối với người lớn - Methods of teaching for adults. **53**

THỰC TIỄN GIÁO DỤC

Nguyễn Minh Trí: Tạo điều kiện để học sinh trung học phổ thông tiếp cận thông tin thị trường lao động ở thành phố Cần Thơ - Facilitating upper secondary students' approaching information on labour market in Can Tho city. **55**

GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI

Nguyễn Thị Côi - Lương Thị Phương Liên: Tìm hiểu cấu tạo sách giáo khoa Lịch sử cấp trung học cơ sở của Trung Quốc - Learning about structure of History textbook at lower secondary schools in China. **61**

XÂY DỰNG TÀI LIỆU HỌC TẬP TRONG MÔI TRƯỜNG E-LEARNING THEO MÔ HÌNH ADDIE NHẪM HỖ TRỢ SINH VIÊN TỰ HỌC TRONG DẠY HỌC DỰA VÀO DỰ ÁN PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG THÔNG TIN

ThS. NGUYỄN NGỌC TRANG*

Dạy học theo dự án (DHTDA) là một hình thức dạy học (DH), trong đó người học (NH) thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm với việc học tập theo nhóm. DHTDA nhấn mạnh quá trình cá nhân hóa việc học, tự lực nghiên cứu, kiến tạo tri thức, học thông qua làm của NH. Do đó, vai trò của tài liệu học tập điện tử hỗ trợ việc tự học của sinh viên (SV) trong DHTDA là hết sức quan trọng. Bài viết này nêu quy trình thiết kế tài liệu học tập điện tử theo mô hình ADDIE và tích hợp trong môi trường e-Learning hỗ trợ cho việc tự học trong DHTDA phân tích thiết kế hệ thống thông tin theo hướng tích cực hóa NH.

1. Các nguyên tắc trong thiết kế tài liệu học tập điện tử nhằm phát huy tính tích cực của NH

1) Nguyên tắc của Malone - Lapper. Vào năm 1981, Malone - Lapper đã đề xuất rằng các yếu tố tích cực bên trong của NH mang lại nhiều lợi ích hơn là tích cực do tác động của bên ngoài với 3 yếu tố: sự thử thách, sự tò mò và khả năng tưởng tượng; và đến năm 1987, được bổ sung thêm sự kiểm soát của NH.

Sự thử thách mà quan trọng nhất là mức độ thử thách phải được cá thể hóa cho phù hợp với NH. Nội dung không nên quá khó và cũng không nên quá dễ mà nó phải phù hợp với NH. Việc xác lập các mục tiêu thử thách NH vào lúc bắt đầu bài học sẽ mang lại nhiều lợi ích. Các mức độ khó của bài tập cần được thay đổi trong suốt bài học để NH luôn cảm thấy bị thử thách.

Sự tò mò: Malone phân biệt *tò mò cảm giác* (sensory curiosity) và *tò mò nhận thức* (cognition curiosity). Tò mò cảm giác được khơi dậy bởi các hiệu ứng âm thanh và thị giác được tạo ra trong các tài liệu đa phương tiện nhằm hấp dẫn NH. Tò mò nhận thức được khơi dậy bởi những thông tin mâu thuẫn, có sự khác biệt với kiến thức hay kỳ vọng của NH. Sự tò mò do cảm giác chỉ làm cho NH đi tìm hiểu những đặc điểm của cảm giác. Khi gặp những tình huống dẫn

đến sự tò mò nhận thức, NH sẽ bị kích thích để đi tìm những thông tin mới nhằm giải quyết các mâu thuẫn.

Sự kiểm soát là sự chuẩn bị kỹ những phản hồi khi NH tương tác, sự cho phép NH có nhiều lựa chọn và một môi trường học có thể cho NH kiến tạo theo cách riêng của họ với chương trình.

Sự tưởng tượng là các tình huống tưởng tượng khuyến khích NH tưởng tượng ra những bối cảnh và những sự kiện ở thế giới thật. Mặc dù sự tưởng tượng thường đồng hành với các trò chơi nhưng các phương pháp DH cũng có thể kết hợp với nó để tạo ra nhiều hiệu quả.

Malone và Lapper đã cho rằng các yếu tố tích cực bên trong mang lại nhiều lợi ích hơn là tích cực bên ngoài và đã đưa ra những đề nghị để làm tăng tính tích cực nhận thức bên trong như: sử dụng các trò chơi; sử dụng các hiệu ứng cảm giác để thu hút sự chú ý của NH và làm cho quá trình nhận thức sâu hơn; xây dựng các môi trường cho phép NH khám phá; dành cho NH nhiều quyền kiểm soát; luôn đặt ra các hoàn cảnh để thử thách NH; khơi dậy tính tò mò của NH; luôn động viên khích lệ NH.

2) Nguyên tắc của Keller. Quan điểm chung của John M. Keller (1987), giáo sư trường đại học bang Florida Hoa Kỳ cho rằng một nhà thiết kế phát triển hệ thống DH phải biết các biện pháp tích cực hóa NH, biết tổ chức chiến lược DH và biết thiết kế nội dung DH. Theo Keller, nguyên tắc đó là gọi là nguyên tắc ARCS (Attention Relevance Confidence Satisfaction), nghĩa là *Chú ý - Phù hợp - Tự tin - Thỏa mãn*.

Sự chú ý (Attention): Giảng viên (GV) phải gây được sự chú ý cho SV từ lúc bắt đầu khóa học và duy trì cho đến cuối khóa học. Nguyên tắc này tương tự nguyên tắc khơi gợi sự tò mò của NH như nguyên tắc của Malone và Lapper. Để duy trì sự chú ý của NH, nội dung của bài học và sự cảm nhận của NH cần có sự thay đổi.

* Trường Cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng, TP. Hồ Chí Minh

Sự phù hợp (Relevance): GV cần phải làm cho SV hiểu biết các ứng dụng thực tế, cụ thể của những kiến thức mà họ đang tiếp thu để tạo động cơ cho SV học với mục tiêu và những điều họ đang học sẽ rất hữu ích cho họ.

Sự tự tin (Confidence): Yếu tố tự tin của Keller cũng tương tự yếu tố thử thách của Malone và Lapper. Ông cho rằng có 3 yếu tố làm tăng sự tự tin của NH: 1) NH nhận ra quá trình học rất cụ thể và phù hợp với năng lực học tập của họ; 2) NH có những thách thức hợp lý để vượt qua; 3) NH có khả năng tự kiểm soát bản thân.

Sự thỏa mãn (Satisfaction): Nhà thiết kế DH cần phải tạo ra nhiều hoạt động để làm cho NH thỏa mãn với việc học tập của mình, cụ thể là qua các hoạt động ứng dụng kiến thức vào thực tế và sự hữu ích của các kiến thức trong đời sống. Việc phản hồi khen thưởng động viên NH kịp thời cũng làm tăng sự thỏa mãn của NH.

2. Các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong DHTDA trình độ cao đẳng ngành công nghệ phần mềm

Hiện nay, trên thế giới đang có 3 hướng ứng dụng CNTT:

1) CNTT là phương tiện của GV. Trong đó, GV sử dụng CNTT phục vụ trực tiếp cho việc thiết kế và thể hiện bài giảng. Hình thức DH vẫn là dạy trực tiếp trên lớp (face to face). Tương tác giữa GV và SV là tương tác trực tiếp. Mô hình hỗ trợ nội dung: - Là phương tiện của người dạy; - Tập trung vào nội dung học tập; - Dựa trên mô hình truyền tải nội dung học tập; - Định hướng học tập cá nhân; - Chưa có sự tương tác, hợp tác với SV khác.

2) CNTT là phương tiện dạy và học của cả thầy và trò. Trong đó, GV sử dụng CNTT để thiết kế bài dạy và các tài liệu hỗ trợ học tập, trong khi SV sử dụng CNTT là phương tiện để học và để báo cáo kết quả với GV. Hình thức DH vẫn là dạy trực tiếp trên lớp. Tương tác giữa GV và SV là tương tác trực tiếp. Mô hình tương tác: - Là phương tiện của người dạy và NH; - Tập trung vào NH; - Dựa trên các hoạt động học tập và các nguồn tư liệu khác nhau; - Định hướng học tập theo cá nhân và nhóm nhỏ; - Tương tác với SV khác.

3) CNTT là môi trường học tập. CNTT thay thế cho hình thức DH trực tiếp trên lớp và trở thành môi trường chứa đựng thông tin và tình huống nhận thức mà SV trở thành chủ thể hoạt động trong môi trường đó. Tương tác giữa GV và SV là tương tác gián tiếp. Hướng này chính là mô hình e-Learning. Mô hình

tích hợp: - Tập trung vào nhóm học tập; - Dựa trên các hoạt động học tập hợp tác; - Định hướng theo nhóm học tập hợp tác; - Là môi trường học tập, trong đó lấy NH làm trung tâm.

Từ đó, trong DHTDA GV có thể ứng dụng các mô hình dưới đây để thiết kế dự án học tập:

3. Vận dụng mô hình ADDIE để xây dựng tài liệu học tập trong môi trường e-Learning nhằm hỗ trợ cho SV tự học trong DHTDA



Mô hình ADDIE (Analysis - phân tích, Design - thiết kế, Development - phát triển, Implement - Thực hiện, Evaluate - Đánh giá) là một trong những mô hình thiết kế hệ thống DH (ISD Instructional System Design) được phát triển từ năm 1975 bởi Trung tâm Công nghệ giáo dục tại Đại học bang Florida.

Giai đoạn phân tích: Phân tích các yêu cầu về chương trình giảng dạy, mục tiêu dạy học, nội dung học tập có thể thích hợp với việc sử dụng dự án để dạy học. Phân tích đặc điểm của NH. Xác định mục tiêu DH, các chuẩn cấp độ về kiến thức, kỹ năng, thái độ theo Bloom mà NH cần có khi kết thúc dự án.

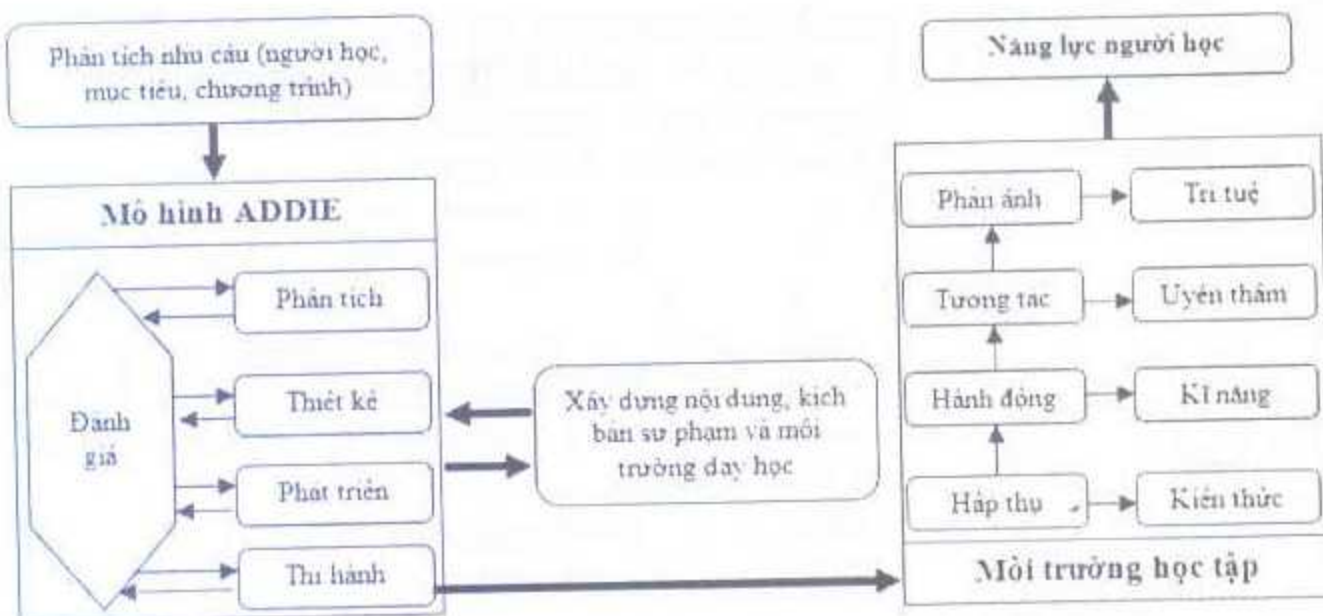
Giai đoạn thiết kế: Thiết kế các tình huống DH, thiết kế các tiêu chuẩn đánh giá theo mục tiêu DH và kỹ thuật đánh giá. Thiết kế các nội dung, bố cục sách giáo khoa.

Giai đoạn phát triển: Lựa chọn, xác định phần mềm để phát triển sách giáo khoa, các chiến lược giảng dạy và các phương tiện DH hỗ trợ để tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho NH kiến tạo được kiến thức mới. Chuẩn bị phương tiện và các nguồn lực khác.

Giai đoạn thực hành: Người dạy tiến hành sử dụng thử nghiệm sách giáo khoa.

Giai đoạn đánh giá: Đánh giá quá trình DH, sự liên kết giữa các mục tiêu, tính hiệu quả chiến lược và phương tiện DH. Người dạy và NH đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cũng như kinh nghiệm đạt được.

Quy trình xây dựng khóa học *Phân tích thiết kế hệ thống thông tin trong môi trường e-Learning*:



Sơ đồ. Mô hình thiết kế hệ thống dạy học ADDIE

1) Phân tích các yếu tố liên quan đến xây dựng khóa học. Mục tiêu: GV sử dụng các công cụ của Moodle để xây dựng khóa học *Phân tích thiết kế hệ thống thông tin* nhằm cung cấp tư liệu học tập dạng sách giáo khoa điện tử để SV tự học. SV có thể đăng nhập và tham khảo tất cả tài liệu học tập với sự hỗ trợ của GV và các SV.

Phân tích nội dung học phần "*Phân tích thiết kế hệ thống thông tin*" gồm: Chương 1: Đại cương về các hệ thống thông tin quản lý; Chương 2: Khảo sát hiện trạng và xác lập dự án; Chương 3: Phương pháp luận phân tích và thiết kế hệ thống; Chương 4: Phân tích hệ thống về xử lý; Chương 5: Phân tích hệ thống về dữ liệu; Chương 6: Thiết kế hệ thống.

Phân tích các yêu cầu về chương trình giảng dạy, mục tiêu dạy học, nội dung học tập "*Phân tích thiết kế hệ thống thông tin*". Cung cấp nội dung học tập cho SV tự nghiên cứu học phần *Phân tích thiết kế hệ thống thông tin* thông tin qua khóa học *Phân tích thiết kế hệ thống thông tin* trong môi trường e-Learning; Phân tích đặc điểm của SV khi học khóa này: SV năm thứ hai của khoa CNTT và đã biết sử dụng thành thạo Internet, một số phần mềm ứng dụng; Xác định mục tiêu DH của từng chương.

2) Thiết kế. Thiết kế các tình huống DH, tiêu chí kiểm tra nhằm giúp SV tự đánh giá từng chương. Thiết kế giao diện khóa học "*Phân tích thiết kế hệ thống thông tin*" gồm:

Phần mở đầu: Thông tin về khóa học, tên môn học hay học phần, lời chào mừng SV đến với môn học.

Phần hướng dẫn ban đầu bao gồm các mục:

- Hướng dẫn chung: trước khi bắt đầu các khóa học, NH nên vào đây để xem hướng dẫn cách học, các yêu cầu của môn học và điều kiện để tham gia khóa học;
- Kế hoạch học tập: phân bố thời gian cho từng bài học;
- Diễn đàn tin tức, thông báo: cập nhật những thông tin mới nhất về môn học. NH nên thường xuyên

kiểm tra mục này để biết những thông báo mới nhất từ giáo viên và lớp học; - Diễn đàn hỏi đáp các vấn đề liên quan đến môn học: khi có bất cứ thắc mắc nào, SV vào mục này để đưa ra câu hỏi và nhận phản hồi từ giáo viên cũng như các thành viên khác trong lớp; - Thảo luận: đây là nơi các thành viên trong lớp và GV có thể trao đổi trực tuyến với nhau.

Mục tiêu: GV đưa ra

mục tiêu SV có thể đạt được về ba mặt: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Mục tiêu được xây dựng cho từng chương của môn học.

Nội dung môn học: SV có thể tải file thuyết trình bằng PowerPoint về máy cá nhân để tự học hoặc xem trực tiếp bài giảng theo chuẩn SCORM. Các bài giảng này giúp SV tự điều khiển quá trình tiếp thu kiến thức của mình trong học tập. Nội dung được phát triển thành các chuyên đề: Đại cương về các hệ thống thông tin quản lý; Khảo sát hiện trạng và xác lập dự án; Phương pháp luận phân tích và thiết kế hệ thống; Phân tích hệ thống về xử lý; Phân tích hệ thống về dữ liệu.

3) Phát triển. Lựa chọn phần mềm hỗ trợ để soạn thảo nội dung mỗi chương, có thể sử dụng PowerPoint, hay mã nguồn mở eXe để soạn thảo và tích hợp trong cùng giao diện của khóa học; Phát triển học liệu bằng các phần mềm ứng dụng hoặc dạng SCORM; Phát triển các bài kiểm tra trắc nghiệm bằng công cụ trong Moodle.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm giúp cho việc biên soạn tài liệu học tập điện tử như eXe, Lectora,... Qua một thời gian tìm hiểu, chúng tôi lựa chọn phần mềm eXe bởi đây là phần mềm miễn phí, có mã nguồn mở, có thể đóng gói theo tiêu chuẩn SCORM 1.2 sử dụng cho các LMS hoặc LCMS hoặc xuất thành website dạng online hoặc offline đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của một phần mềm xây dựng giáo trình điện tử. Trong môi trường e-Learning, một khóa học được phân nhánh thành nhiều chủ đề hay nhiều chương hay module khác nhau. Do đó, mỗi chương trong tài liệu hay sách giáo khoa có thể phân thành nhiều module chứa các bài học. Trong mỗi chương gồm mục tiêu, nội dung của chương; câu hỏi, bài tập kiểm tra - đánh giá.

Cấu trúc các cây module đó được xây dựng bằng cách sử dụng ô Outline và các nút quanh ô này như: Add Page (thêm 1 nhánh), Rename (đổi tên một

nhánh), Delete (xóa một nhánh), và các nút mũi tên thay đổi vị trí các trang. eXe có khả năng tương tự Microsoft Office Word như: hiệu chỉnh chữ **B I U** hiệu chỉnh văn bản **≡ ≡ ≡ ≡**, chèn các định dạng hình và video **✚**, các kí hiệu Bullets and Numbering **≡ ≡**.

4) Thực hành. Hướng dẫn GV, SV sử dụng thử khóa học và hoàn thiện sản phẩm. Tiến hành hướng dẫn SV sử dụng nội dung khóa học theo kế hoạch DHTDA. GV quản lí tiến trình sử dụng khóa học này, quan sát việc tự học của SV, hỗ trợ quản lí học tập cho DHTDA.

5) Đánh giá. Thử nghiệm sản phẩm là bước cần thiết, bắt buộc phải làm trước khi đưa sản phẩm vào sử dụng. Các lỗi xuất hiện trong quá trình thử nghiệm phải được khắc phục ngay lập tức.

DHTDA là một hình thức DH tích cực, nhấn mạnh quá trình cá nhân hóa việc học, tự lực nghiên cứu, kiến tạo tri thức, học thông qua làm của NH nhằm phát triển năng lực tư duy tích cực, tư duy sáng tạo, giao tiếp và rèn luyện tinh thần học tập suốt đời. Tài liệu học tập hỗ trợ việc tự học của NH trong DHTDA, đặc biệt khi được tích hợp trong môi trường e-Learning là hết sức quan trọng. □

Tài liệu tham khảo

1. Anderson, J. **ICT transforming education: A regional guide**. Bangkok: UNESCO, 2010.
2. John M. Keller. "Development and use of the ARCS model of Instructional Design". *Journal of instructional development*, Vol. 3, Florida State University, 1987.
3. Sanjaya Mishra - Ramesh C. Sharma. "Interactive Multimedia in Education and Training". *Indira Gandhi National Open University*, ISBN 1-59140-393-6, 2004.
4. <http://www.eXelearning.org>
5. <http://www.nwlink.com>

SUMMARY

Project-based learning is a form of active learning, emphasizing the individualized learning, self-study and create knowledge, learning by doing of learners to develop competency, creative thinking, communication and life long learning. courseware to support the study of learners in project-based learning is very important. This paper presents the principles of design courseware in active learning, procedure of design and development e-books and integration e-Learning with open source eXe to support self-study in project-based learning.

TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM VINH PHÚC

Trụ sở: Phường Khai Quang - Thành phố Vinh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại: 02113.565.665; Fax: 02113.849248

Website: <http://vlvinhphuc.vieclamvietnam.gov.vn>

Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh Phúc được thành lập theo Quyết định số 1371/QĐ-UB ngày 27/10/1997; Quyết định số 2037/QĐ-CT ngày 30/7/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v đổi tên Trung tâm Giới thiệu việc làm Vĩnh Phúc thành **Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh Phúc** và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của **Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh Phúc**.

1. Chức năng

Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh có chức năng tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động (LĐ); thu thập, phân tích và cung cấp thông tin về thị trường LĐ; tiếp nhận đăng ký thất nghiệp và thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, dạy nghề theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ

1) Xây dựng chương trình, kế hoạch về hoạt động của Trung tâm, trình Giám đốc Sở LĐ, Thương binh và Xã hội phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2) **Tổ chức các hoạt động tư vấn gồm:** a) Tư vấn học nghề cho người LĐ về lựa chọn nghề, trình độ đào tạo, nơi học phù hợp với khả năng và nguyện vọng; b) Tư vấn việc làm cho người LĐ về lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng, về kỹ năng thi tuyển, về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong nước và ngoài nước; c) Tư vấn cho người sử dụng LĐ về tuyển dụng LĐ, về quản trị và phát triển nguồn nhân lực, về sử dụng LĐ và phát triển việc làm; d) Tư vấn về chính sách, pháp luật LĐ cho người LĐ và người sử dụng LĐ.

3) **Giới thiệu việc làm cho người LĐ, cung ứng và tuyển LĐ theo yêu cầu của người sử dụng LĐ gồm:** a) Giới thiệu người LĐ cần tìm việc làm với người sử dụng

LĐ cần tuyển LĐ; b) Cung ứng LĐ theo yêu cầu của người sử dụng LĐ; c) Tuyển LĐ thông qua thi tuyển để lựa chọn những người đủ điều kiện, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng LĐ; d) Giới thiệu, cung ứng LĐ cho đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép đưa người LĐ Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; đ) Tổ chức và quản lý Sàn giao dịch việc làm của tỉnh, thực hiện liên kết với Sàn giao dịch việc làm của các địa phương trong khu vực.

4) Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường LĐ; quản lý và vận hành kết nối hệ thống thông tin thị trường LĐ trong tỉnh và khu vực.

5) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm và đào tạo kỹ năng, dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

6) Hỗ trợ người LĐ trong trường hợp chuyển từ nghề này sang nghề khác, di chuyển từ địa phương này sang địa phương khác, di chuyển ra nước ngoài làm việc và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

7) Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về LĐ, việc làm.

8) Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm.

9) Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

10) Thực hiện các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

11) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về tổ chức, hoạt động của Trung tâm với Sở LĐ, Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan theo quy định.

12) Quản lý tổ chức, biên chế, cán bộ, viên chức, người LĐ và tài chính, tài sản của Trung tâm theo quy định hiện hành.

13) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Sở LĐ, Thương binh và Xã hội hoặc cơ quan có thẩm quyền giao.